

**UBND TỈNH BẾN TRE
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /SGD&ĐT-GDTH
V/v báo cáo học kì I năm học
2014-2015 (Chương trình SEQAP)

Bến Tre, ngày 05 tháng 01 năm 2015

Kính gửi: Phòng giáo dục và đào tạo các huyện.

Căn cứ công văn số 461/BGDĐT-SEQAP ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Chương trình Đảm bảo chất lượng giáo dục trường học về việc báo cáo học kì I năm học 2014-2015. Nhằm sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Chương trình SEQAP học kì I và triển khai nhiệm vụ tập trung học kì II năm học 2014-2015, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị phòng giáo dục và đào tạo các huyện tổng hợp, báo cáo sơ kết về tình hình triển khai thực hiện dạy học cả ngày tại các trường tham gia SEQAP theo các nội dung sau:

1. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện dạy học cả ngày theo các nội dung tại công văn số 1964/SGD&ĐT-GDTH ngày 26/8/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện dạy học cả ngày năm học 2014-2015.
2. Báo cáo cụ thể tình hình triển khai các hoạt động giáo dục trong thời gian buổi trưa các ngày học cả ngày tại các trường tiểu học; tình hình triển khai hoạt động thư viện và các loại hình câu lạc bộ tại các trường tiểu học.
3. Báo cáo chất lượng giáo dục, quản lí và sử dụng 02 quỹ của các trường tiểu học tham gia SEQAP theo biểu mẫu đính kèm.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị phòng giáo dục và đào tạo các huyện chỉ đạo các trường cập nhật đầy đủ trên Seqap Online, đồng thời tổng hợp gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Giáo dục Tiểu học) trước ngày 24/01/2015.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, GDTH.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Mun
Lê Văn Chín

Đơn vị:.....

BÁO CÁO SỬ DỤNG KINH PHÍ QUỸ GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

(Bảng số 1)

Học kỳ I năm học 2014 - 2015
 Định kèm công văn số...
 ..5GDĐT-GDTH ngày: ..tháng 01 năm 2015

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Huyện, trường	HĐ theo cơ chế quản thủ			Kinh phí SEQAP										Kinh phí chi cho các hạng mục											
		Trường có tài khoản tại Kho bạc nhà nước	Điểm trường		HK/2014-2015	Chưa sử dụng các năm										Kinh phí chi cho các hạng mục										
Tổng số	Sử dụng kinh phí SEQAP		FDS	Được cấp		Chưa sử dụng	Tổng số	2010	2011	2012	2013	2014	Duy tu cải tạo và sửa chữa nhỏ	Các nguồn thiết yếu	Công tác thông tin tuyên truyền về FDS	Thuê người nấu ăn và quản lý HS buổi trưa	Đồ dùng lớp học	Tài liệu học tập bổ sung	Các hoạt động giáo dục bổ sung khác	Các hoạt động bổ sung				Số lượt HS được mượn tài liệu học tập		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
I	Huyện																									
1	Trường																									
2																									
	Huyện																									
1	Trường																									
2																									
	Cộng toàn tỉnh																									

Ghi chú: * Bảng tổng hợp sử dụng kinh phí Quỹ giáo dục nhà trường dùng cho trường; phòng GD&ĐT; Sở GD&ĐT

- * Cột số 5: ghi tổng số điểm trường sử dụng kinh phí SEQAP chi cho một trong các hạng mục từ cột 15 đến cột 25.
- * Cột số 6: ghi số điểm trường tổ chức dạy học cả ngày
- * Cột số 7: ghi kinh phí trường, phòng GD&ĐT nhận được học kỳ I năm học 2014 - 2015
- * Cột số 8: ghi kinh phí chưa sử dụng HK I năm học 2014 - 2015
- * Cột số 9: ghi tổng kinh phí chưa sử dụng các năm 2010; 2011; 2012; 2013; 2014
- * Cột số 10 đến cột số 14: ghi kinh phí chưa sử dụng theo năm tài chính
- * Cột số 22 đến cột số 25: ghi kinh phí chi cho các hoạt động bổ sung theo QĐ số 536/QĐ - BGDĐT ngày 20/02/2014
- * Cột số 26: ghi số lượt HS được mượn tài liệu học tập

Người lập

.....Ngày...tháng.....năm.....
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên và đóng dấu)

Đơn vị

BẢO CAO SỬ DỤNG KINH PHÍ QUỸ PHÚC LỢI HỌC SINH

(Thùng số 2)

Học kỳ I năm học 2014 - 2015

Đính kèm công văn số: 06.../SGDĐT-GTPT/H ngày... tháng... năm 2015

Đơn vị: Triệu đồng

Huyện, trường	Hoạt động theo cơ chế tuân thủ				Kinh phí SEQAP							Kinh phí chi cho các hạng mục							Hỗ trợ khẩn cấp										
	Điểm trường	Học sinh	Được cấp	Chưa sử dụng	Số học sinh ăn trưa bằng nguồn kinh phí							Trợ giảng	Phần thưởng học sinh		Hỗ trợ khẩn cấp														
Tổng số					2010	2011	2012	2013	2014	Tổng số	Dân tộc		Nghèo	Tổng số		Đi học đầu	Học tập tốt												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
I	Huyện																												
1	Trường																												
2																												
II	Huyện																												
1	Trường																												
2																												
	Cộng toàn tỉnh																												

Ghi chú

- * Bảng tổng hợp sử dụng kinh phí Quỹ phúc lợi học sinh (PLHS) dùng chung cho: nhà trường; phòng GD&ĐT; Sở GD&ĐT
- * Cột số 3: trường tổ chức HS ăn trưa ghi số 1; không tổ chức ghi số 0; phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT ghi số trường tổ chức HS ăn trưa
- * Cột số 6: ghi tổng số học sinh đang học các trường SEQAP
- * Cột số 8, cột số 19: ghi số HS nghèo (bao gồm: HS có hoàn cảnh khó khăn, HS con hộ nghèo, HS dân tộc thiểu số)
- * Cột số 9: trường; phòng GD&ĐT ghi kinh phí Quỹ PLHS được nhận học kỳ I năm học 2014 - 2015
- * Cột số 10: ghi kinh phí chưa sử dụng HK I năm học 2014 - 2015
- * Cột số 11: ghi tổng kinh phí chưa sử dụng các năm 2010; 2011; 2012; 2013; 2014
- * Cột số 21: ghi số HS được hỗ trợ ăn trưa chế độ theo Quyết định số 85/2010/QĐ - TTg; Quyết định số 36/2013/QĐ - TTg của Thủ tướng chính phủ,....
- * Cột số 22: ghi số HS ăn trưa tại trường bằng nguồn XHHGD (nguồn XHHGD bao gồm: các tổ chức xã hội, dân đóng góp hỗ trợ HS ăn trưa, HS mang cơm nhà đến trường ăn trưa....)
- * Cột số 23: ghi số người Trợ giảng hưởng lương từ SEQAP; cột số 24 ghi số GV kiêm Trợ giảng
- * Cột số 25: ghi số HS được thưởng có thành tích học tập tốt; Cột số 27: ghi số HS được thưởng đi học đầu; Cột 29: ghi số HS hỗ trợ khẩn cấp

Người lập

.....Ngày...tháng.....năm
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

UBND HUYỆN.....
 PGD ĐT.....

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG HKI NĂM HỌC 2014-2015
 Định kèm công văn số.../SGDĐT-QĐTH ngày 05 tháng 01 năm 2015

LỚP	HỌC SINH		ĐẠT		HOÀN THÀNH		CHƯA HOÀN THÀNH		HOÀN THÀNH		CHƯA HOÀN THÀNH	
	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2												
3												
4												
5												
TS												

Hướng dẫn ghi bảng thống kê

- Cột 2 ghi tổng số HS của lớp, cột 3 ghi TS học sinh DTTs
- Cột 4 ghi tỷ lệ HSĐT/TS học sinh; cột 5, 6, 7 ghi TS học sinh, HSDTTs, tỷ lệ DSDTTs/TSHS;
- Cột 8, 13, 18, 23, 28, 33: ghi tổng số học sinh của lớp thuộc lĩnh vực đánh giá/xếp loại;
- Cột 9, 14, 19, 24, 29, 34: Ghi tỷ lệ % đạt được so với TS học sinh của lớp;
- Cột 10, 11, 12 ghi TS học sinh, HS dân tộc ts, tỷ lệ HSĐT học cả ngày/TSHS học cả ngày (300/hoặc trở lên) được đánh giá "đạt" hoặc không đạt; Chưa HTT hoặc hoàn thành
- Tương tự các cột 15, 16, 17; 20, 21, 22; 25, 26, 27; 30, 31, 32; 35, 36, 37;

Người lập

.....Ngàytháng.....năm
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)